| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HD**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2018
*V/v tranh chấp:"Ly hôn, nuôi con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HD, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Khuôn.
2. Bà Phạm Thị Hoài.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 537/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2018/QĐHPT ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Th,** sinh năm: 1980.

ĐKHKTT: số 6/69 Lê Hồng Phong, phường NT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Nhà số 4 E1 T1 khu dân cư số 5, phường NT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn Tr,** sinh năm: 1979.

ĐKHKTT: tổ 4, phường Phúc Đồng, quận LB, thành phố HN.

Nơi cư trú: số 6/69 Lê Hồng Phong, phường NT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Tr được tự do tìm hiểu nhau 01 năm và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường NT, thành phố

HD, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/3/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Do anh Tr sống thiếu trách nhiệm với vợ con, mải chơi không chí thú làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình không tập trung, không quan tâm đến vợ con, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, không chăm sóc, chia sẻ khi ốm đau và không thể nói chuyện được với nhau. Trước mâu thuẫn vợ chồng, gia đình hai bên đều biết và góp ý, khuyên giải nhưng anh Tr không thay đổi. Nay, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân 2 năm nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản của Tòa án cho anh Tr thông qua bố mẹ đẻ anh Tr là ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Gi. Ông Th và bà Gi đều xác định đã giao lại các văn bản của Tòa án cho anh Tr đầy đủ; anh Tr đã biết Tòa án thụ lý việc chị Th xin ly hôn với anh và giải quyết về con chung, đã biết thời gian Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng do công việc bận không thể có mặt tại Tòa án được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản theo đúng quy định của pháp luật. Theo ông Th, bà Gi trình bày, anh Tr và chị Th kết hôn vào ngày 24/3/2004. Sau khi cưới, anh chị chung sống tại nhà của vợ chồng ông. Cuộc sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không tập trung kinh tế, cuộc sống vợ chồng không quan tâm đến nhau, vợ chồng đã ly thân. Gia đình hai bên đã khuyên giải, động viên nhưng anh chị không hòa hợp và không thể quay về chung sống cùng nhau. Chị Th và hai con đã về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ chị còn anh Tr vẫn ở cùng ông bà. Nay, chị Th xin ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Th và cho anh Tr được vắng mặt. Vợ chồng chị Th và anh Tr có hai con chung, ông bà đề nghị Tòa án giao các con cho chị Th nuôi dưỡng vì chị Th có công việc ổn định hơn và có thời gian dạy bảo các con học tập tốt hơn. Về tài sản chung, ông bà trình bày anh chị không có tài sản chung, không có đóng góp công sức gì với vợ chồng ông.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/10/2018, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Tr là bố mẹ đẻ của chị Th trình bày: chị Th và anh Tr được tự do tìm hiểu 2 năm thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NT, thành phố HD. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Tr không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng không tập trung kinh tế, không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống, mọi việc trong gia đình đều do một mình chị Th chăm lo. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị Th và hai con đã về ở cùng nhà với vợ chồng ông bà từ hơn một năm nay nhưng anh Tr không quan tâm, hỏi han đến vợ con. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, không có cơ hội đoàn tụ, mỗi người ở một nơi, không muốn nhìn mặt nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để ổn định cuộc sống. Vợ chồng có hai con chung, hiện đang ở với chị Th do chị Th nuôi dưỡng, quan điểm của ông bà đề nghị Tòa án giao hai con cho chị Th nuôi dưỡng, ông bà đều tạo điều kiện cho mẹ con chị Th được ở nhà ông bà. Về tài sản chung, vợ chồng chị Th và anh Tr không có tài sản chung.

Về con chung: Chị Th trình bày, chị và anh Tr có hai con chung là Nguyễn Minh Th, sinh ngày 29/7/2009 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 24/10/2012, hiện đang ở với chị. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng đề nghị Tòa án cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị trình bày và xin xác nhận tại công ty nơi chị công tác thể hiện: hiện tại, chị làm kế toán tại Công ty Bơm Hải Dương, thu nhập của chị được khoảng 12 - 15 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con tốt, chị tự nguyện không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2018, cháu Nguyễn Minh Th có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản chung: chị Th trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không có tài sản riêng. Vợ chồng không nợ chung và cho ai vay chung; nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Th cung cấp xác nhận của Công an phường NT thể hiện chị Th có hộ khẩu thường trú tại 6/69 Lê Hồng Phong, NT, thành phố HD cùng với chồng là anh Nguyễn Văn Tr thường xuyên lưu trú ăn ở tại địa chỉ trên và theo yêu cầu của chị Th, Toà án tiến hành lấy lời khai người thân trong gia đình anh chị và xác minh tại khu dân cư nơi anh Tr cư trú thể hiện: Anh Tr và chị Th có hộ khẩu và anh Tr hiện cư trú tại số 6/69 Lê Hồng Phong, phường NT, thành phố HD. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị Th và hai con về nhà mẹ đẻ chị ở còn anh Tr vẫn đang ở cùng bố mẹ anh tại địa chỉ này. Về quan hệ vợ chồng đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Đối với các con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Th. Về tài sản nhà cửa, đất cát, vợ chồng anh chị không có. Tại Công văn số 4248/QLXNC-P5 ngày 12/11/2018 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: anh Nguyễn Văn Tr đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số B3673754 ngày 05/02/2010, có giá trị đến 05/02/2020; có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, xuất cảnh lần gần nhất 27/06/2016, nhập cảnh ngày 01/07/2016 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu trên.

Tại phiên toà hôm nay, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr. Về con chung, chị đề nghị Tòa án cho chị được nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ chung và cho ai vay chung; nợ riêng; cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có. Chị không có tài sản riêng.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn

Văn Tr; về quan hệ con chung: giao cho chị Th nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Minh Th, sinh ngày 29/7/2009 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 24/10/2012, thời gian kể từ tháng 11 năm 2018 đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Th tự nguyện không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Tr được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về án phí: buộc chị Th phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng. Chị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 12/11/2018; tại phiên tòa, anh Tr vắng mặt, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay 27/11/2018, tại phiên tòa hôm nay, anh Tr vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Tr theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về nội dung:*

*Về quan hệ vợ chồng*: chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Tr được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường NT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/3/2004 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh, chị hạnh phúc khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tập trung kinh tế, không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Hiện nay, mỗi người ở một nơi. Tòa án triệu tập anh Tr nhiều lần, anh Tr đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện anh không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ và không còn tình cảm với chị Th. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị Th và anh Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Th xin ly hôn anh Tr là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

*Về quan hệ con chung*: vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Minh Th, sinh ngày 29/7/2009 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 24/10/2012, hiện đang ở với chị Th. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng đề nghị Tòa án cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung. Hiện tại, chị làm kế toán tại Công ty Bơm Hải Dương, thu nhập của chị được khoảng 12 - 15 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt, chị tự nguyện không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con. Phía gia đình anh Tr và gia đình chị Th cũng như khu dân cư đều đề nghị Tòa án giao hai con cho chị Th nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện hai con chung của anh chị đều do chị Th đang nuôi dưỡng. Bản thân chị Th có nghề nghiệp, công việc, chỗ ăn ở, sinh hoạt ổn định và thu nhập tốt, xét nguyện vọng của chị Th và hai bên gia đình cũng như địa phương đều mong muốn giao hai con cho chị Th nuôi dưỡng và chị tự nguyện không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng

tiền nuôi con chung là chính đáng và đảm bảo quyền lợi của các con nên được chấp nhận. Anh Tr được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về tài sản chung*: chị Th trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không nợ chung, không nợ riêng, cho vay riêng và cho ai vay chung; công sức đóng góp với gia đình hai bên không có. Chị Th trình bày chị không có tài sản riêng nên không đặt ra giải quyết.

*Về án phí*: Chị Th xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

- *Về quan hệ con chung:* Xử giao cho chị Nguyễn Thị Th nuôi dưỡng hai con chung là là Nguyễn Minh Th, sinh ngày 29/7/2009 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 24/10/2012, thời gian kể từ tháng 11 năm 2018 đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Th tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Tr được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0002643 ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HD. Chị Nguyễn Thị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Th, vắng mặt anh Tr. Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**
*- VKSND thành phố HD;*
*- Chi cục THADS TP. HD;*
*- Các đương sự;*
*- UBND phường NT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương để lưu hộ tịch;*
*- Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Thúy Hạnh**